CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Everland

Ngày 30/09/2025	9,590 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**58.5%**	**48.0%**

DT thuần
Q3/25
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -3.9%
YoY: ▼145| -43.6%

LN thuần
Q3/25
20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.70| 30.4%
YoY: ▲ 7.30| 56.9%

LN sau thuế
Q3/25
16.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.40| 50.8%
YoY: ▲ 7.06| 78.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.9%
YoY: +/-▲ 3.8%

ROE (TTM)
Q3/25
1.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

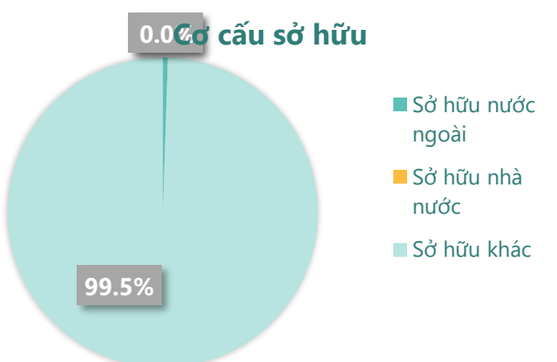
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,860 - 11,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,064
Số lượng CPLH (CP)	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,843,885
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.94
EPS	192
P/E	50.1

DT thuần
9T 2025
575
tỷ VNĐ
YoY: ▼387| -40.3%

LN thuần
9T 2025
50.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.30| -6.0%

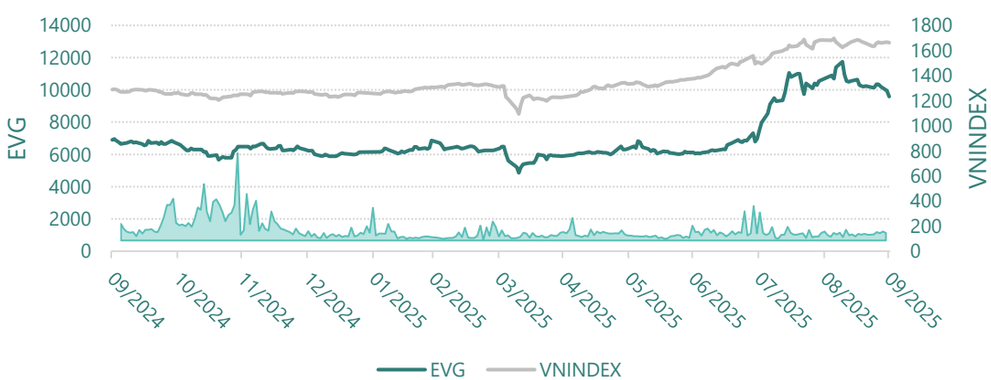
LN sau thuế
9T 2025
38.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 2.5%

Cơ cấu sở hữu

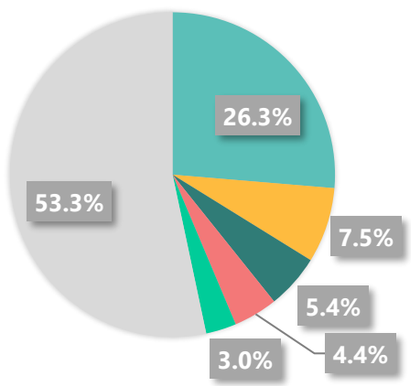


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



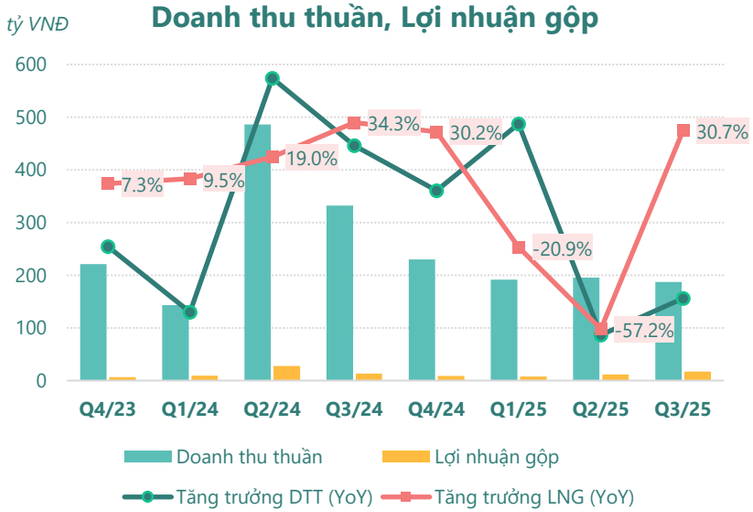
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

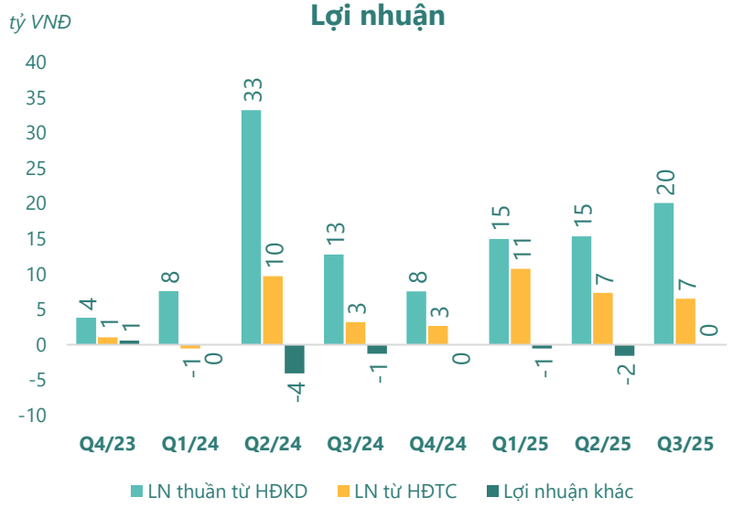
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



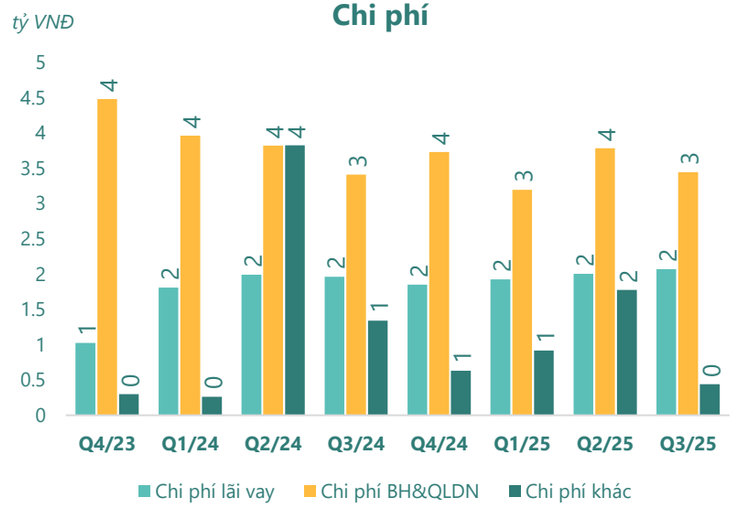
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



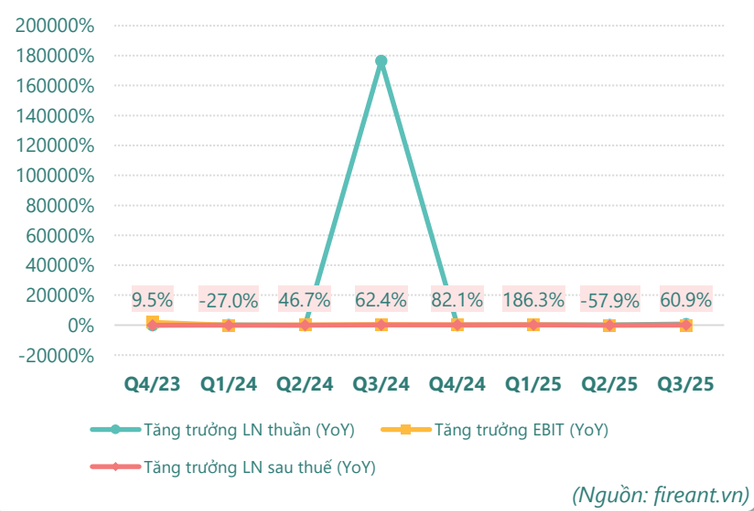
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



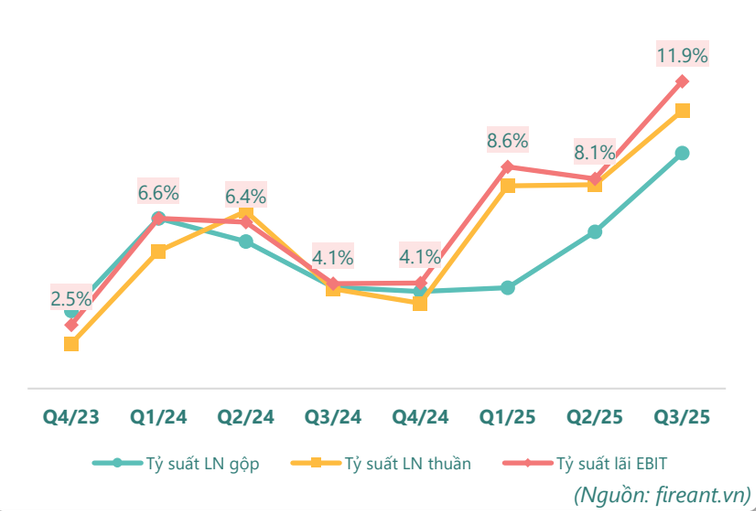
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



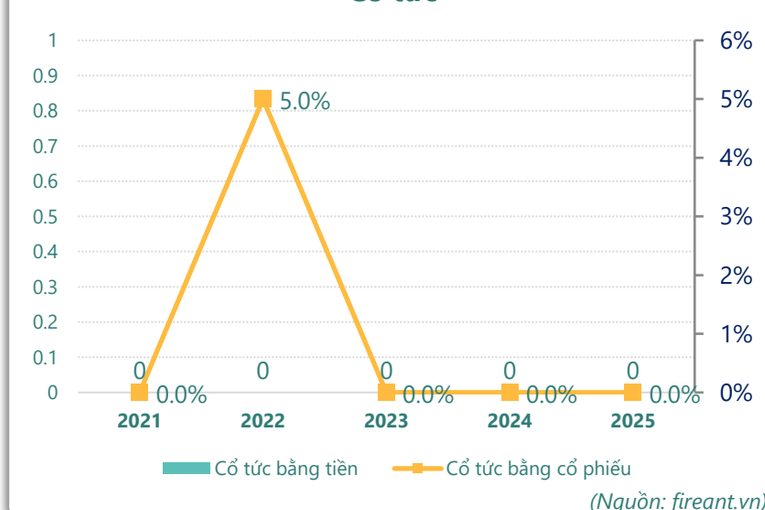
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

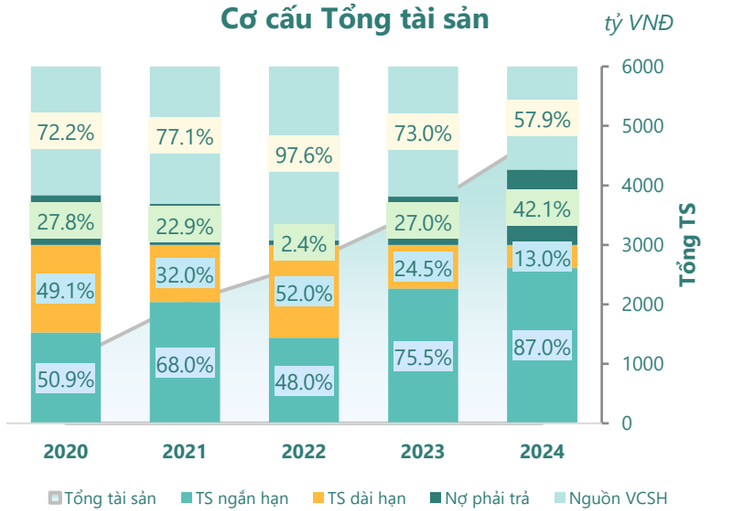
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

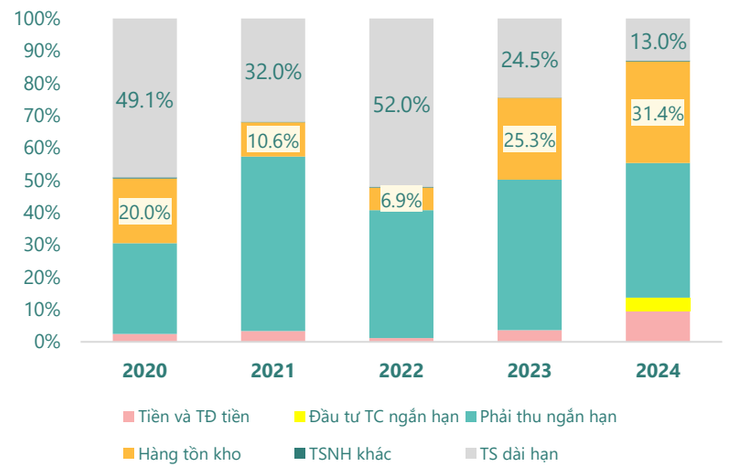
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



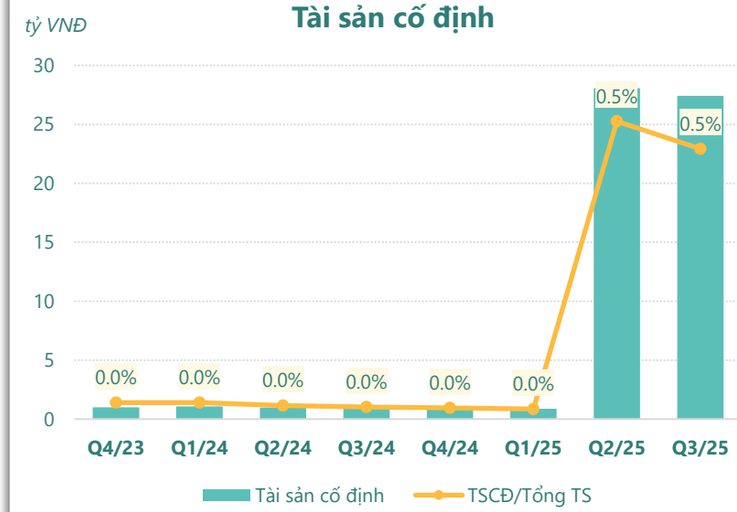
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



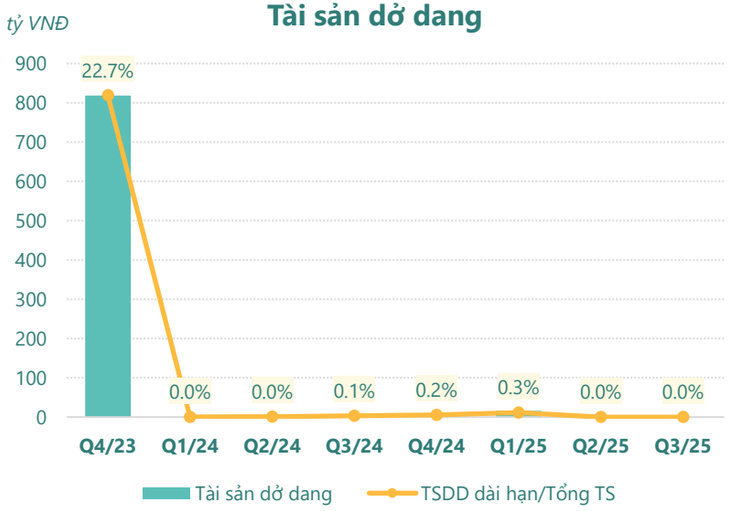
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



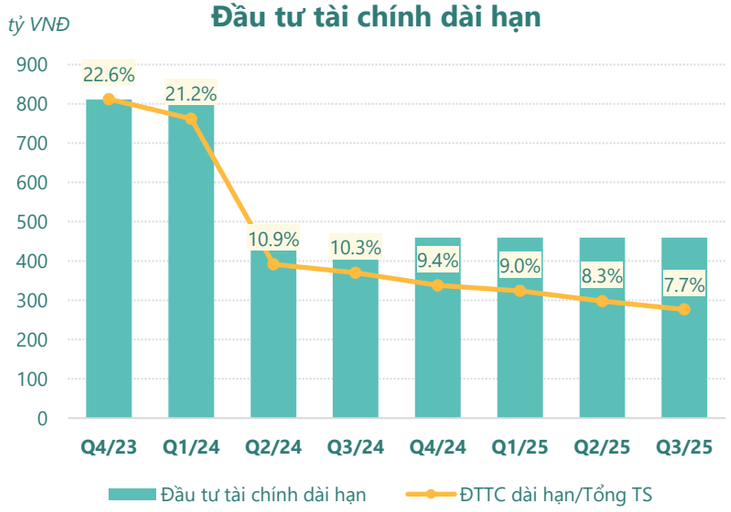
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



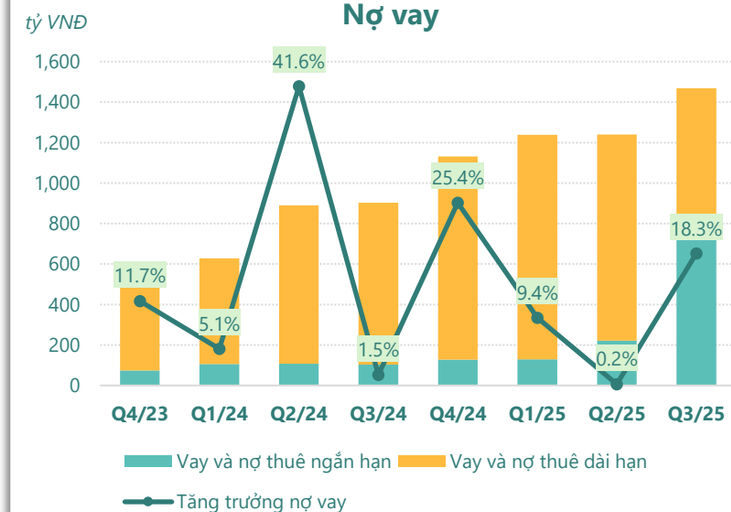
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

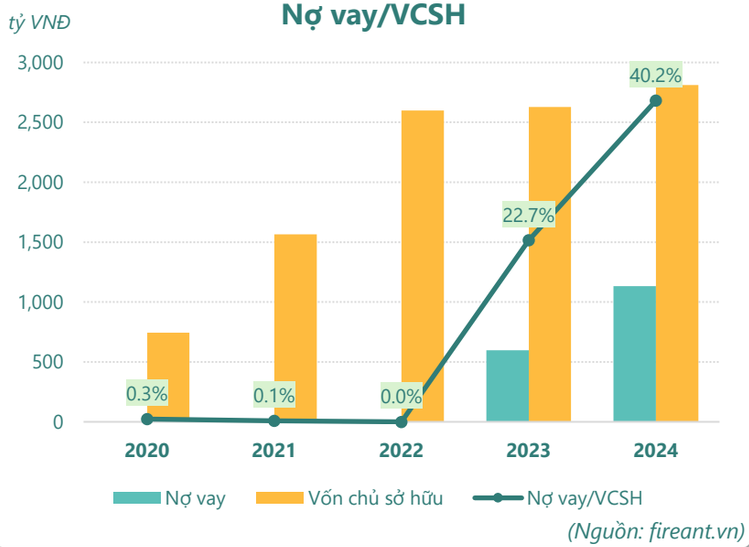
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

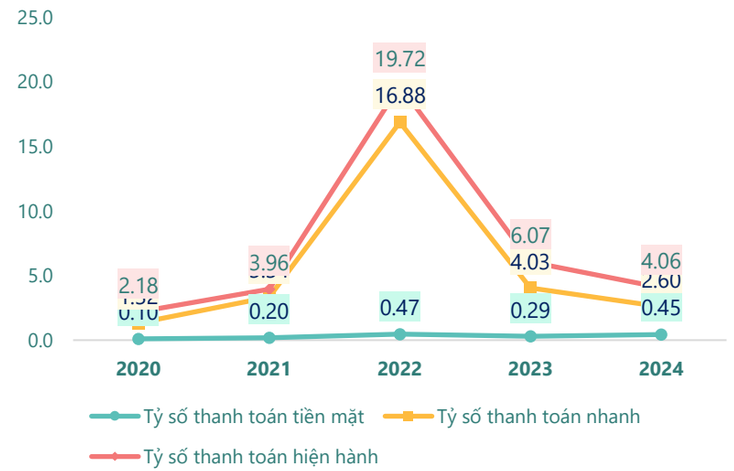
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



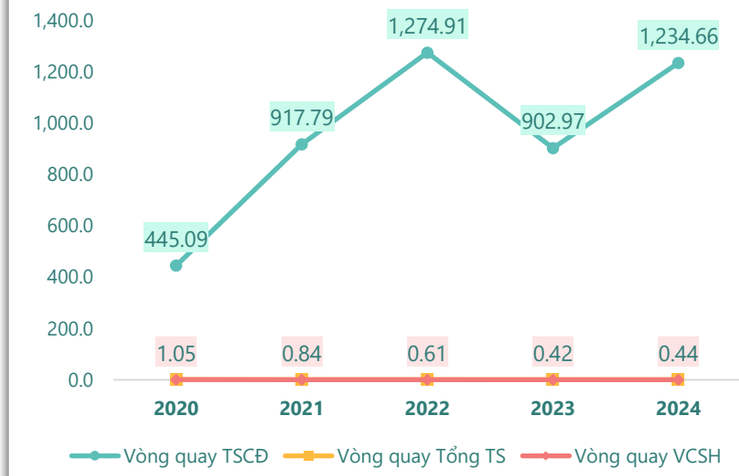
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



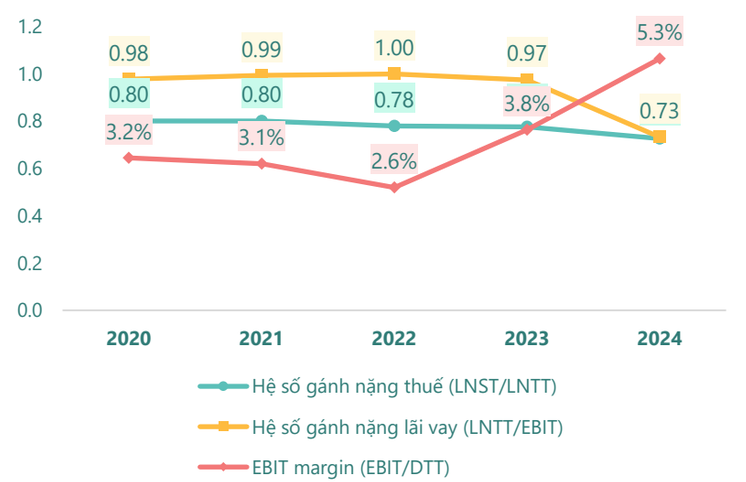
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



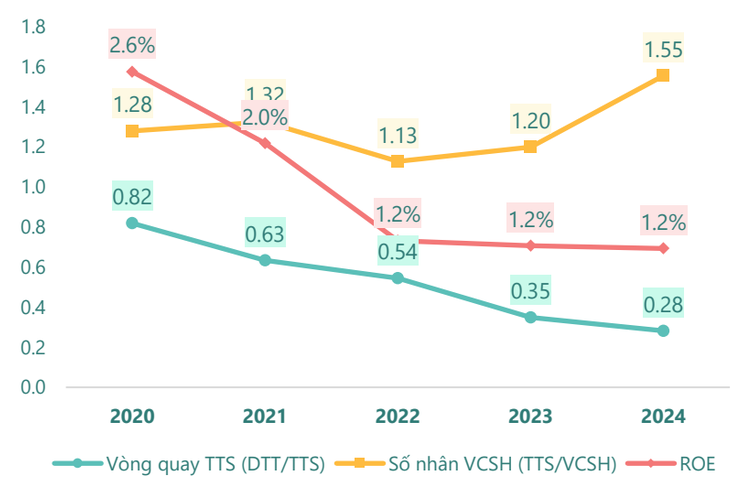
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



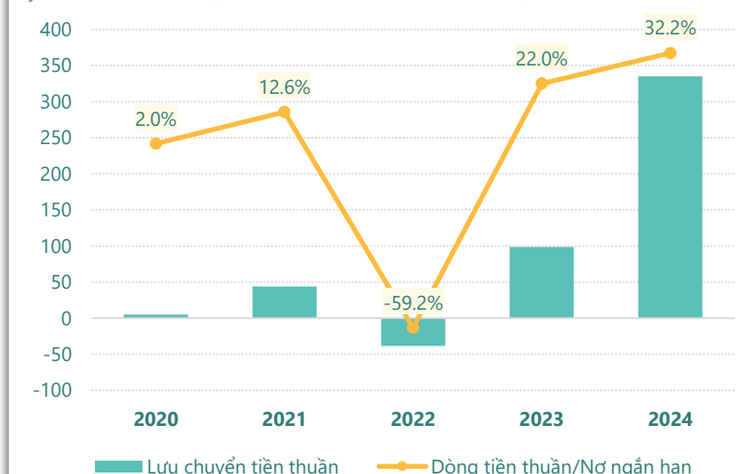
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**187**	**332**	**-43.6%**	**575**	**962**	**-40.3%**
Giá vốn hàng bán	170	319	-46.6%	538	912	-41.0%
Lợi nhuận gộp	17.0	13.0	30.9%	36.3	50.0	-27.5%
Doanh thu HĐTC	8.58	5.16	66.3%	30.6	18.2	68.3%
Chi phí TC	2.07	1.96	5.6%	6.00	5.78	3.9%
Chi phí lãi vay	2.07	1.96	5.6%	6.00	5.77	4.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**2.43**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0.52	0.69	-25.1%	1.69	2.90	-41.8%
Chi phí QLDN	**2.93**	**2.72**	**7.6%**	**8.74**	**8.30**	**5.3%**
LN thuần từ HĐKD	20.1	12.8	56.9%	50.4	53.7	-6.0%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-1.29**	**105%**	**-2.01**	**-5.35**	**62.4%**
LN trước thuế	20.1	11.5	75.2%	48.4	48.3	0.3%
Lợi nhuận sau thuế	**16.0**	**8.94**	**78.8%**	**38.1**	**37.1**	**2.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.0**	**8.21**	**82.9%**	**35.7**	**35.2**	**1.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-598	-93.9	-134	123	-35.4	-336
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	657	-167	14.8	-158	60.2	-25.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	261	195	229	107	2.18	228
Tiền đầu kỳ	116	428	362	464	536	563
Lưu chuyển tiền thuần	**320**	**-65.9**	**110**	**72.2**	**27.0**	**-133**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	428	362	471	536	563	430

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,983**	**4,859**	**23.1%**
Tài sản ngắn hạn	5,295	4,228	25.2%
Tiền và tương đương tiền	430	464	-7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.5	201	-84.8%
Phải thu ngắn hạn	2,327	2,021	15.1%
Hàng tồn kho	2,454	1,525	60.9%
Tài sản ngắn hạn khác	53.8	16.5	227%
Tài sản dài hạn	**688**	**631**	**9.1%**
Phải thu dài hạn	1.76	66.0	-97.3%
Tài sản cố định	27.4	0.93	2837%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	7.90	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**200**	**96.4**	**107%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,134	2,046	53.2%
Nợ ngắn hạn	**2,431**	**1,041**	**133%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	765	127	502%
Phải trả người bán ngắn hạn	448	221	103%
Nợ dài hạn	703	1,005	-30.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	703	1,005	-30.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,813**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,813**	**1.3%**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)